TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **39**/2019/QĐ-PT	*Phú Yên, ngày 11 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Trương Công Thi**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên họp: Ông **Nguyễn Hải Tuấn** - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 51/2018/QĐST-HC ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 123; điểm h khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 67/2018/TLST-HC ngày 26/10/2018 về việc *"Khiếu kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* giữa:

- Người khởi kiện: Vợ chồng ông Trần S, sinh năm 1969; bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1968; cùng trú tại: tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Phi C, sinh năm 1954; trú tại: tỉnh Phú Yên; theo Giấy ủy quyền ngày 27/12/2018 chứng thực UBND phường X, thị xã S ngày 8/1/2019.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Vợ chồng ông Nguyễn N, sinh năm 1965, bà Lê Thị C, sinh năm 1966; cùng trú tại: thị xã S, tỉnh Phú Yên.

+ Ủy ban nhân dân phường X, thị xã S tỉnh Phú Yên;

Tại đơn kháng cáo ngày 07 tháng 12 năm 2018 của ông Trần S, bà Nguyễn

Thị R với lý do: Tòa án sơ thẩm căn cứ vào khoản 5 Điều 38, điểm d khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, Điều 144 LTTHC đình chỉ là không đúng; Ông, bà đề nghị công nhận toàn bộ yêu cầu của đơn khởi kiện hành chính ngày 28/9/2018 của người khởi kiện.

XÉT THẤY:

[1] Ông Trần S và bà Nguyễn Thị R khởi kiện yêu cầu tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC153720 ngày 13/9/2010 của Ủy ban nhân dân thị xã S và công nhận diện tích đất 145 m^2 thuộc quyền sử dụng của ông bà; nhưng sự việc đã được giải quyết tại bản án số 07/2013/DSST ngày 5/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và bản án số 06/2013/DS-PT ngày 30/10/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật. Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là có cơ sở, đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông, bà và giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 51/2018/QĐST-HC ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

[2] Tại phiên họp, kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trần S, bà Nguyễn Thị R giữ nguyên toàn bộ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án sơ thẩm, đề nghị của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Ông Trần S và bà Nguyễn Thị R phải chịu án phí hành chính phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 243 Luật tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 51/2018/QĐST-HC ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Ông Trần S và bà Nguyễn Thị R phải chịu án phí hành chính phúc thẩm số tiền là 300.000, (Ba trăm ngàn) đồng; được trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0012982 ngày 07/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu trữ, Phòng HCTP.